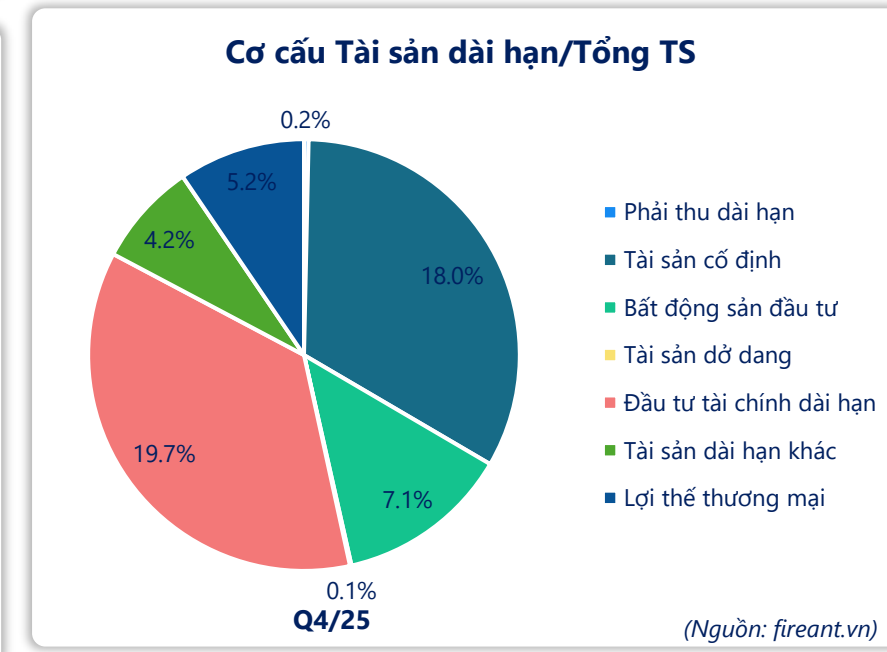
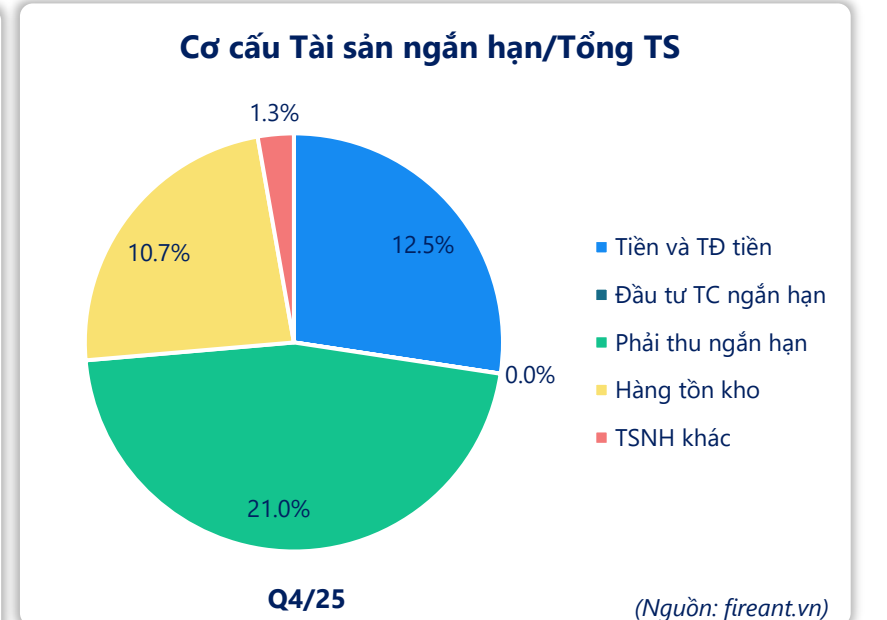
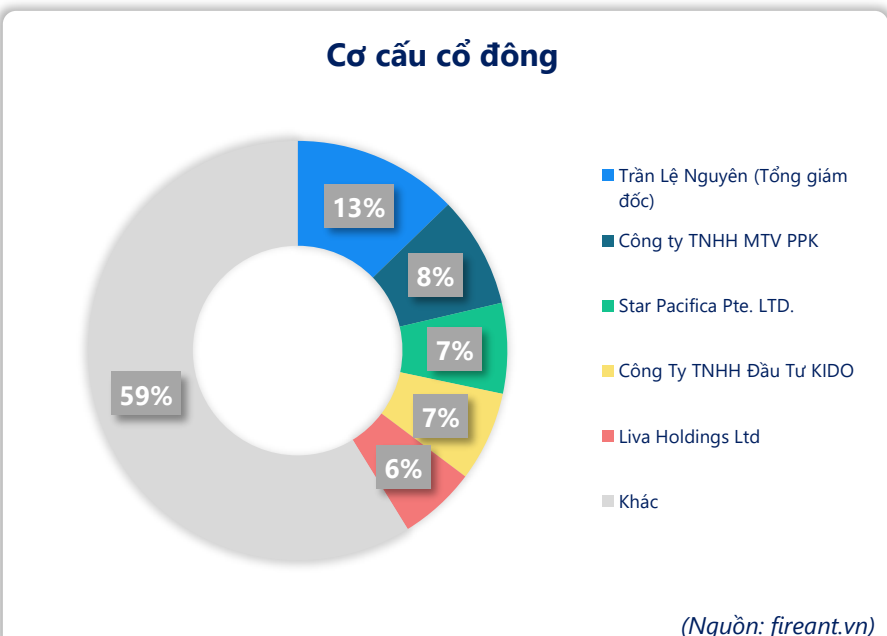
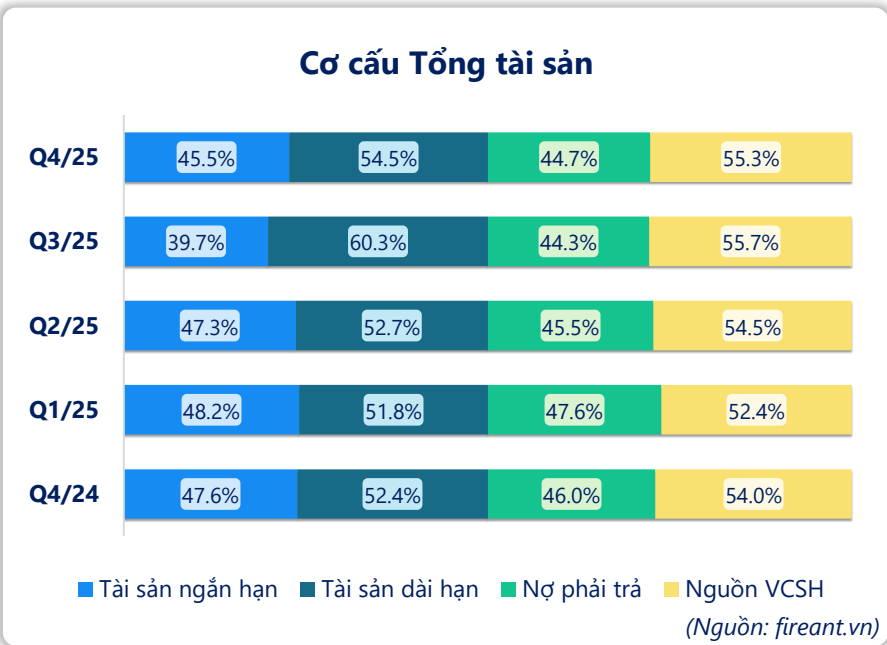
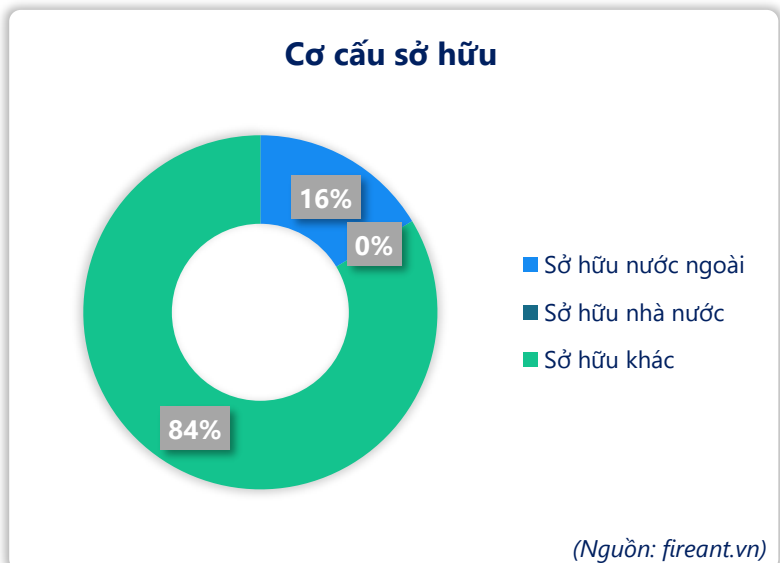
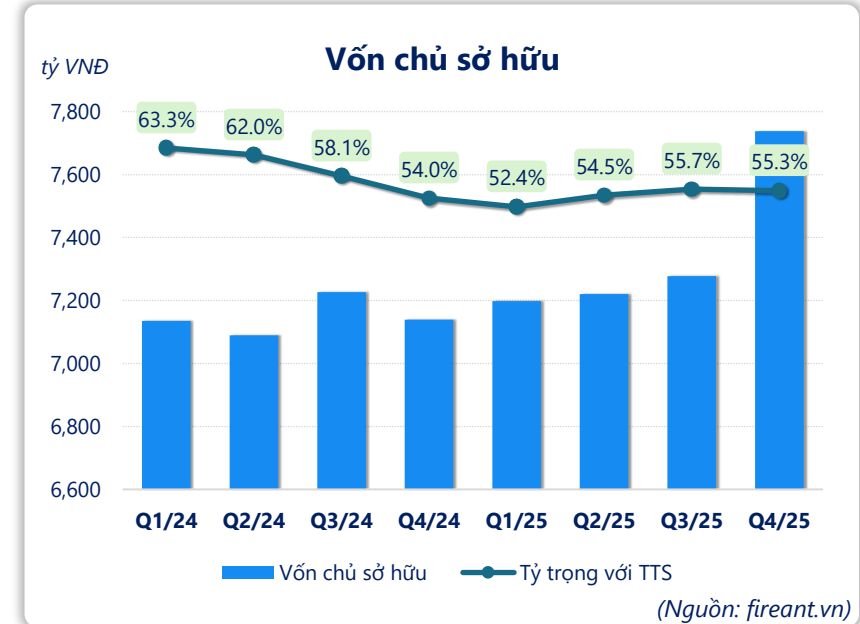
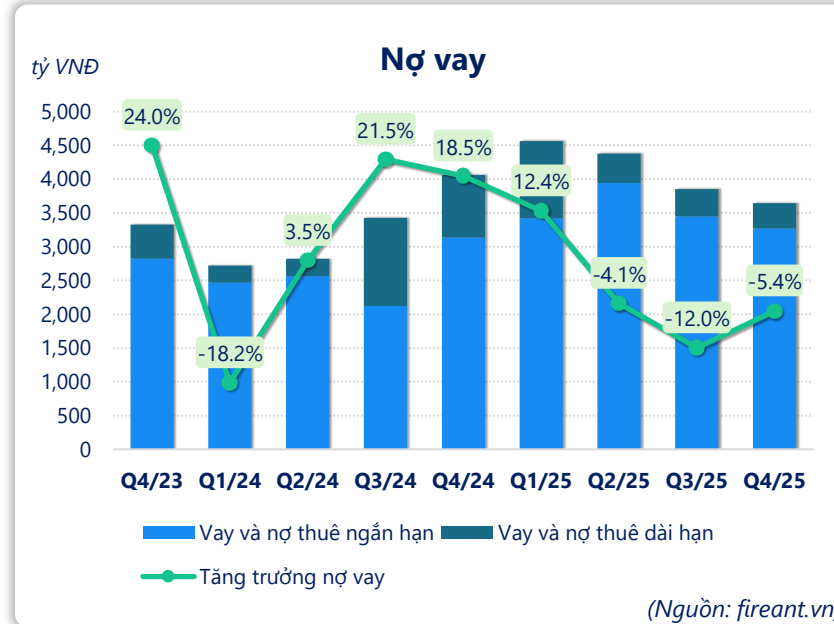
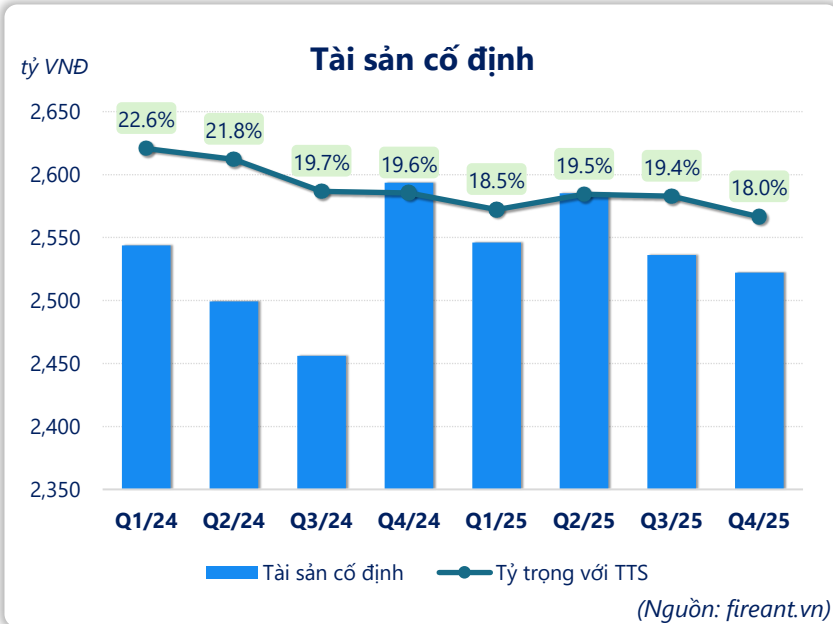
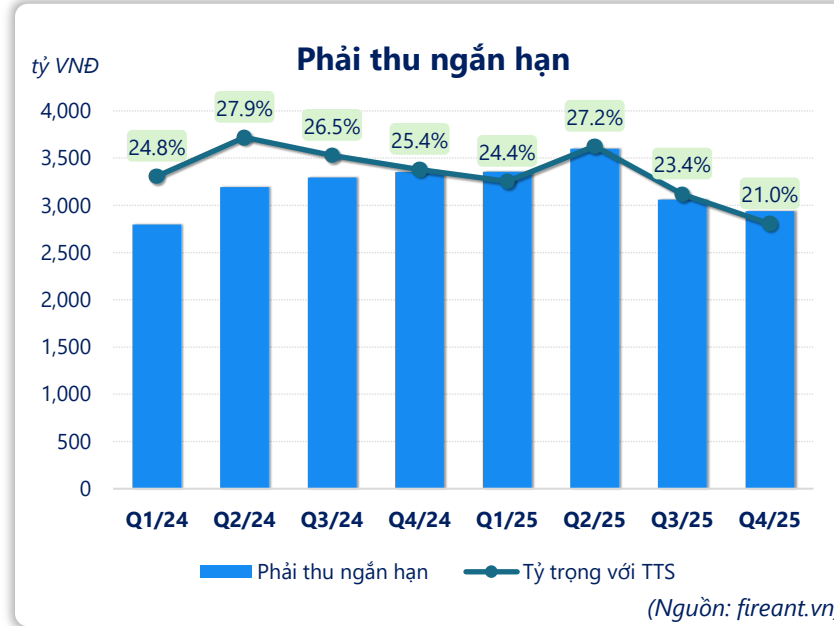
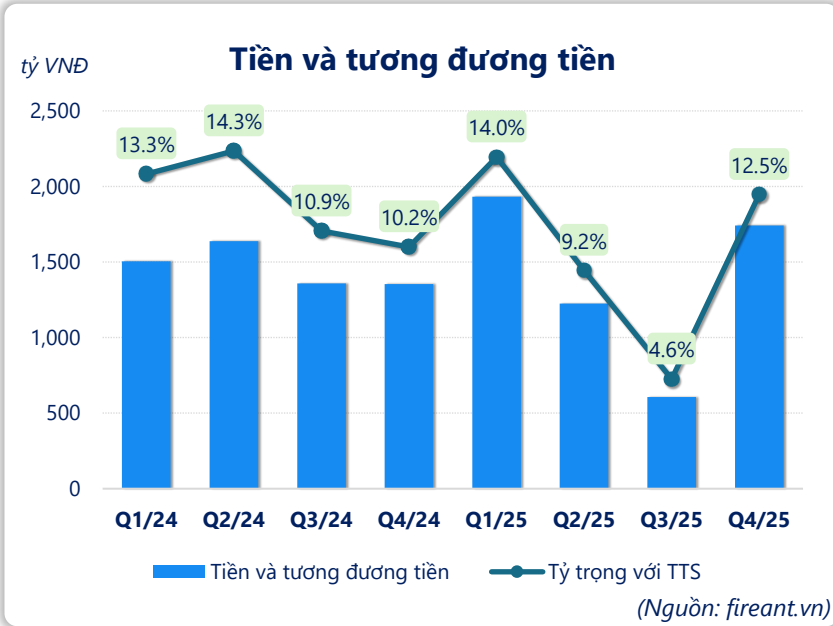
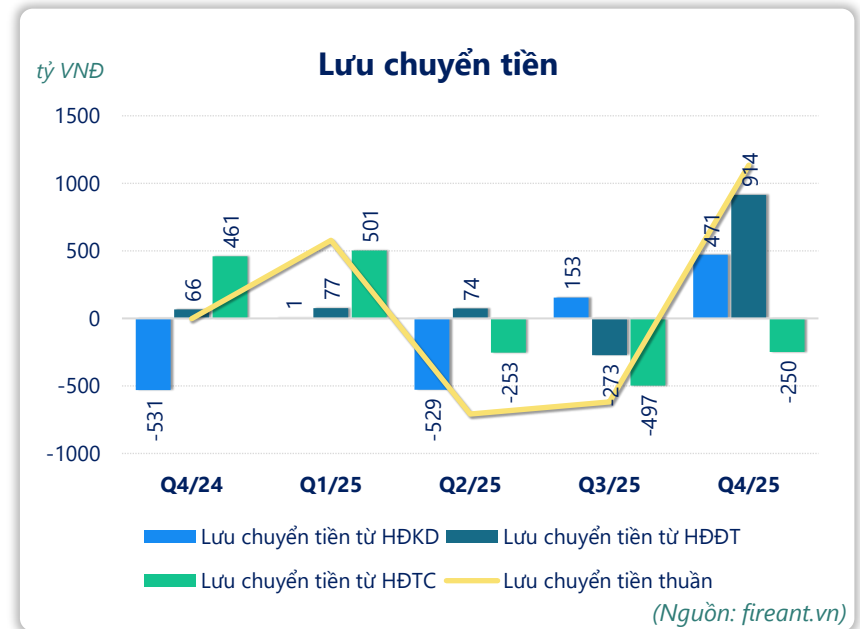
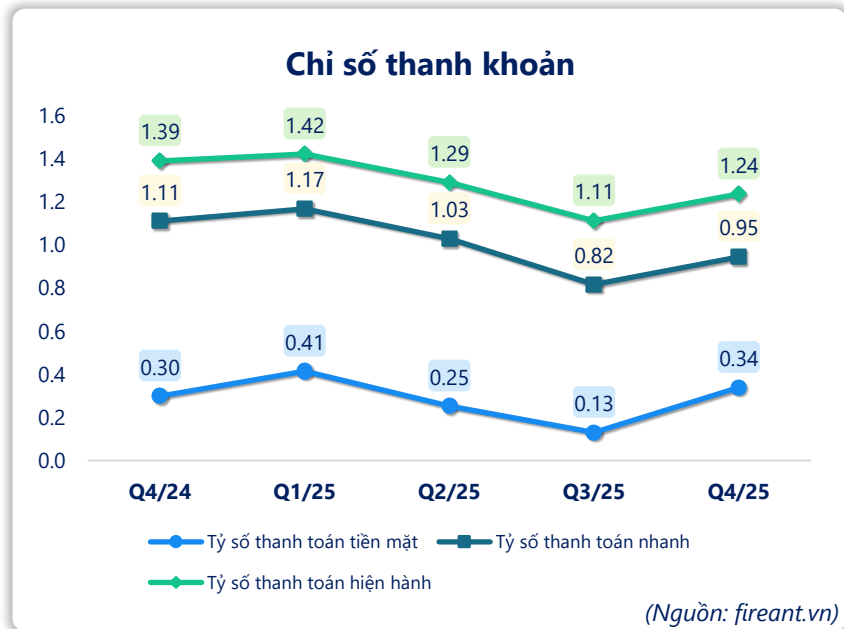
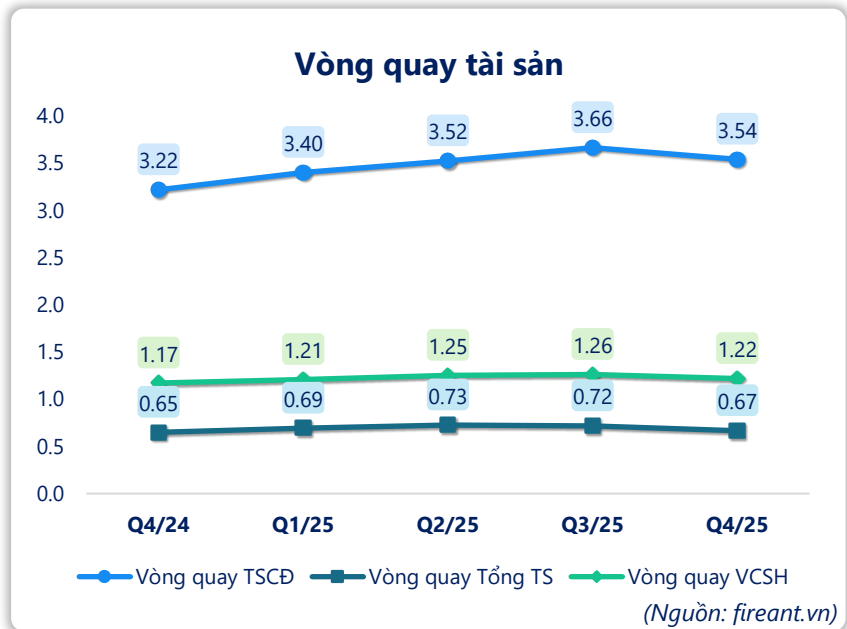
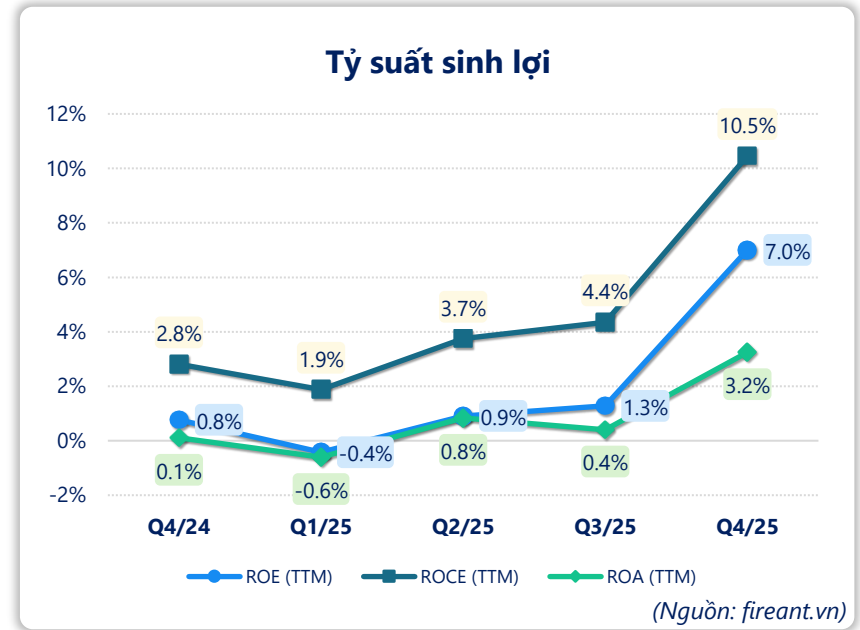
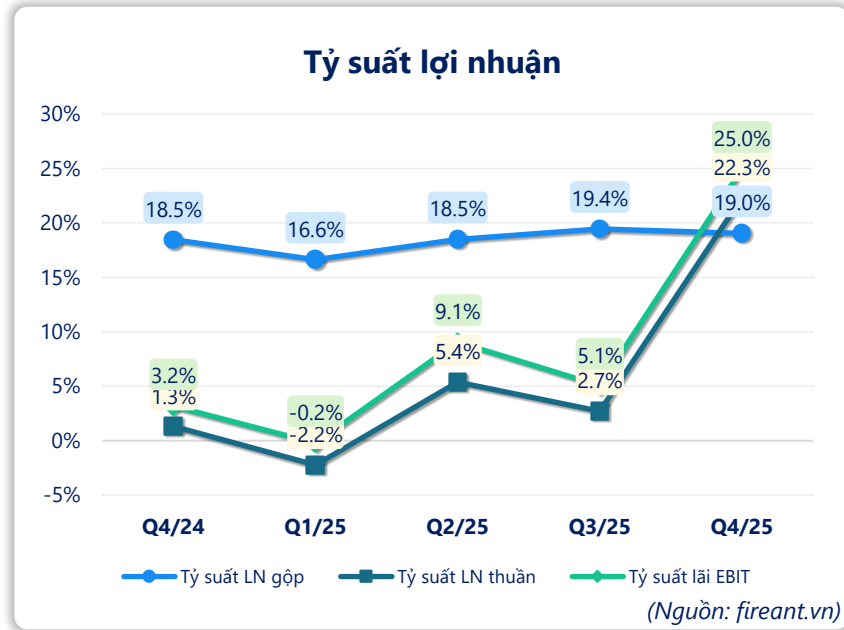
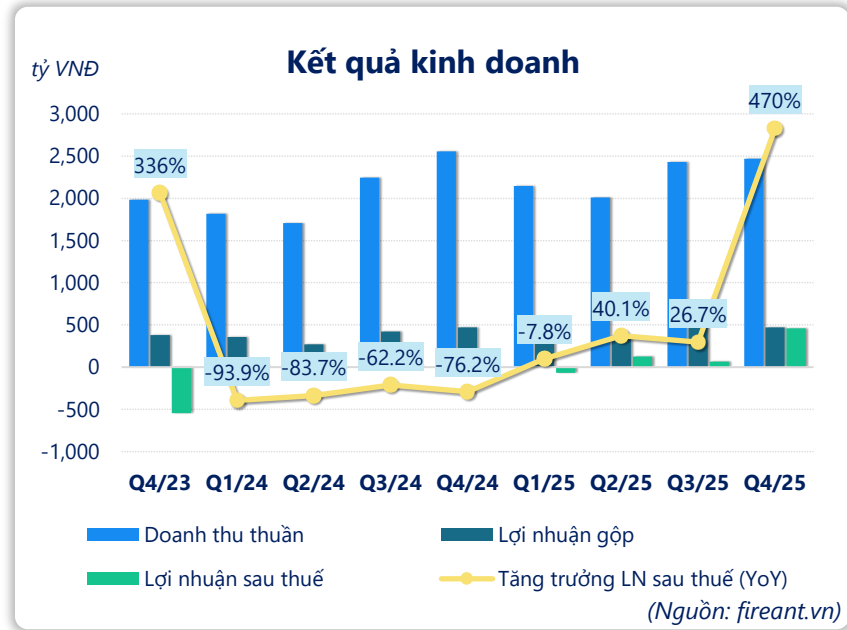


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		52,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		57,620
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		49,319
SL cổ phiếu LH		289,806,316
KLGD BQ 20 phiên (CP)		719,220
% sở hữu nước ngoài		16.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		15,070
P/E		28.9
EPS		1,798

	YTD	1T	3T	6T
KDC	-9.6%	2.4%	1.2%	-3.5%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	13,981	13,480	3.7%
Tài sản ngắn hạn	6,359	6,299	0.9%
Tiền và tương đương tiền	1,742	1,353	28.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.40	174	-99.8%
Phải thu ngắn hạn	2,940	3,351	-12.3%
Hàng tồn kho	1,499	1,274	17.7%
Tài sản ngắn hạn khác	177	147	20.7%
Tài sản dài hạn	7,622	7,180	6.1%
Phải thu dài hạn	26.2	21.2	23.5%
Tài sản cố định	2,522	2,593	-2.7%
Bất động sản đầu tư	993	1,043	-4.8%
Tài sản dở dang	8.52	65.0	-86.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,757	2,253	22.4%
Tài sản dài hạn khác	591	367	60.7%
Lợi thế thương mại	724	838	-13.5%
Nợ phải trả	6,243	6,214	0.5%
Nợ ngắn hạn	5,142	4,582	12.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,268	3,188	2.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	516	692	-25.4%
Nợ dài hạn	1,101	1,632	-32.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	376	873	-56.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	7,738	7,265	6.5%
Vốn chủ sở hữu	7,738	7,265	6.5%
Vốn điều lệ	2,898	2,898	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	2,556	2,146	2,011	2,429	2,468
Giá vốn hàng bán	2,084	1,789	1,639	1,957	1,998
Lợi nhuận gộp	472	357	372	472	470
Doanh thu HĐTC	45.0	33.7	127	35.9	545
Chi phí TC	48.2	53.2	53.6	51.5	69.4
Chi phí lãi vay	44.2	42.4	50.9	50.0	52.1
LN trong công ty LKLD	27.4	21.3	64.7	88.3	51.6
Chi phí bán hàng	321	285	278	336	315
Chi phí QLDN	141	121	123	144	131
LN thuần từ HĐKD	33.7	-47.8	108	65.8	551
Lợi nhuận khác	3.25	0.79	23.3	7.12	12.7
LN trước thuế	36.9	-47.0	131	72.9	564
Lợi nhuận sau thuế	13.8	-67.3	125	66.7	461
LNST của CĐ cty mẹ	13.2	-75.5	103	51.9	442

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-531	0.91	-529	153	471
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	66.5	76.6	74.1	-273	914
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	461	501	-253	-497	-250
Tiền đầu kỳ	1,358	1,353	1,931	1,225	607
Lưu chuyển tiền thuần	-3.46	579	-708	-618	1,135
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	1.23	0	-0.06
Tiền cuối kỳ	1,355	1,931	1,225	607	1,742

(Nguồn: fireant.vn)